

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 3 - 2022

V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Thành Chúng;

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Uyên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông Chau San
– Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 284/2021/TLST - HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 87/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11/3/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lê Hồng T**, sinh năm 1994 - địa chỉ: Số 35, Đ, khóm 3, phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Bà **Trương Thị Minh T1**, sinh năm 1996 - địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, ông T trình bày:

Hôn nhân giữa tôi và bà T1 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND phường M vào ngày 12/8/2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hòa hợp, cả hai Nều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay xin ly hôn. Hiện chúng tôi đã không còn chung sống từ 20/11/2021 đến nay và không có liên lạc nhau.

Con chung: Lê Trương Ngọc N, sinh ngày 29/12/2019 đang sống với mẹ. Ly hôn tôi giao con cho bà T1 nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là bà T1 không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của ông T.

Tòa án đã tổ chức hoà giải để các đương sự hàn gắn lại tình cảm gia đình, tuy Nền do bà T1 vắng mặt và ông T có yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải với lý do tình cảm vợ chồng không còn nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ ông T không bổ sung thêm yêu cầu khởi kiện, không giao nộp bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ mới; bà T1 vắng mặt.

Kết quả xác minh việc cư trú của bà T1 cũng như nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân của bà T1 và ông T được Công an xã Nhơn Hội xác nhận hiện bà T1 còn đăng ký hộ khẩu T1 ở trú tại địa phương, về nguyên nhân mâu thuẫn, tình trạng hôn nhân thì chính quyền địa phương không nắm rõ.

Tại phiên toà, ông T có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn bảo lưu ý kiến. Bà T1 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, T1 ký phiên toà không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa ông T và bà T1 có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T.

- Về con chung: Ông T đồng ý giao con chung cho bà T1 nuôi dạy. Đây là sự tự nguyện của ông và để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu N lại cho bà T1 được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy Nền không ghi nhận được ý kiến bà T1 về việc có yêu cầu ông T cấp dưỡng hay không nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Hồng T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bà Trương Thị Minh T1. Bà T1 có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và

gia đình về ly hôn, nuôi con chung và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về việc vắng mặt của đương sự: Ông T có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà T1 được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T và bà T1 có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của ông T thì thấy: Trong đời sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn; thời gian không còn chung sống đã lâu nhưng ông T và bà T1 đều không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng và ông T cương quyết ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn trong đời sống hôn nhân đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

[3] Về con chung: Ông T đồng ý giao con chung cho bà T1 nuôi dạy. Xét thấy tại thời điểm xét xử cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nên để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý sau này được tốt Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, giao cháu N đang sống với bà T1 cho bà tiếp tục nuôi dạy theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bà T1 về việc yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp sau này bà có yêu cầu cấp dưỡng thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Do ông T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp sau này ông, bà có yêu cầu chia tài sản chung, giải quyết nợ chung thì có quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của ông T được chấp nhận, ông phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, bà T1 không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 14, Điều 55 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Ông Lê Hồng T và bà Trương Thị Minh T1 được ly hôn.
- Về con chung: Giao cháu Lê Trương Ngọc N, sinh ngày 29/12/2019 đang sống với bà T1 cho bà tiếp tục nuôi dưỡng.

Bà T1 cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Ông T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được chuyển từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0006692 ngày 21/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 74, cấp ngày 12/8/2019 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

* **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- Các đương sự (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND P. M, LX (1);
- Lưu VP (1);
- Lưu HS (1).

Nguyễn Quang Bảo